

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

**Chờ confirm vượt kháng cự 493 điểm**



Tiếp tục với đà tăng điểm tuần qua, Ngay từ phiên mở của Vnindex tăng 3,67 điểm với 1.6 đơn vị cổ phiếu được chuyển nhượng tương đương gần 40 tỷ đồng. Sau phiên mở cửa lệnh mua tiếp tục được đẩy vào kéo chỉ số Vnindex tiếp tục gia tăng về điểm số, có những thời điểm Vnindex đã vượt qua đỉnh cũ đạt mức 498.49 điểm tuy nhiên khi đà tăng đã bị hãm lại bởi lực cung được tung ra ở trên đa số các mã cổ phiếu. Đóng cửa Vnindex đạt 495.16 điểm tăng 5,94 điểm so với phiên trước tương ứng với mức 1.21%, khối lượng giao dịch trong toàn phiên là 42 triệu đơn vị trong đó 5 triệu đơn vị được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Chốt phiên tổng cộng có 147 cổ phiếu tăng giá, 64 cổ phiếu đứng giá và 74 cổ phiếu giảm giá. BVH và MSN đã tăng trần ngay từ rất sớm và đóng góp vào hơn bốn điểm trong 5.95 điểm tăng của phiên hôm nay.

Nước ngoài hôm nay tiếp tục mua ròng 2 triệu đơn vị tương đương với gần 54 tỷ đồng. Trong đó, khối ngoại mua vào 6 triệu đơn vị, trị giá 166 tỷ đồng và bán ra 4 triệu đơn vị, trị giá 112 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất bao gồm EIB, STB, KBC, ITA và REE

**Phạm Bình  
GD Phân tích**

*Thị trường có phiên tăng khá với khối lượng tương đối tốt hôm nay, vượt qua khu vực kháng cự 493 điểm. Lực cầu tốt trong khi lực cung yếu hàm ý thị trường còn có thể tiếp tục tăng điểm. Tuy nhiên, ngày tết đang đến gần nên giao dịch trầm lắng, điều này khiến thị trường khó đi được xa. Chúng tôi tiếp tục duy trì lạc quan vào thị trường. Nhà đầu tư có thể từ từ mua vào cổ phiếu ở mức giá thấp, nhưng không nên cố gắng mua cổ phiếu ở mức giá cao. Tỷ lệ giải ngân nên hạn chế, tránh dùng đòn bẩy. Có thể tăng cường tỷ lệ dùng margin khi thị trường điều chỉnh.*

**HNX:**

**Kháng cự  
mạnh tại 110  
điểm**



Cùng với HSX thì thị HNX hôm nay cũng có một phiên tăng điểm cùng với sự gia tăng về thanh khoản. Chỉ số Hnxindex tăng nhẹ ở đầu phiên và bắt đầu tăng nhanh sau khi bắt đầu phiên khớp lệnh liên tục bên sàn Hose. Tuy nhiên khi gặp phải tiếp cận và vượt qua mức kháng cự 110 thì lực cầu suy yếu và lực cung gia tăng mạnh đẩy chỉ số HNX quay đầu. Chốt phiên, Hnx đạt 109.02 điểm, tăng 0.97 điểm tương ứng với 0.9%, khối lượng giao dịch toàn phiên là 34 triệu đơn vị trong đó có 2 triệu đơn vị được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Các cổ phiếu nhóm chứng khoán như BVS, KLS, VND... tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt thị trường. Kết thúc phiên, toàn sàn HNX có 195 mã tăng giá, 54 mã đứng giá và 79 mã giảm giá.

Khối lượng mua và bán của khối ngoại là khá cân bằng trên sàn HNX, toàn phiên khối ngoại mua ròng 330 ngàn đơn vị và bán ra 310 đơn vị tương ứng với các giá trị mua là 6,6 tỷ đồng và giá trị bán là 6 tỷ đồng.

*Hnx-Index đã tiếp tục phục hồi trong phiên giao dịch ngày hôm nay, chạm vào ngưỡng kháng cự mạnh 110 điểm. Xu hướng thị trường vẫn lạc quan trong thận trọng, nếu ngày mai vượt qua 110 điểm thì lực mua vào sẽ mạnh hơn. Nhà đầu tư có thể giải ngân thêm nếu HNX-Index vượt qua 110 điểm, và thận trọng trong trường hợp HNX-Index không vượt qua 110 điểm.*

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Cùng theo biến động chung của thị trường, hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm PVN đều tăng giá trong phiên giao dịch hôm nay. Trong 31 cổ phiếu niêm yết, chỉ có 3 cổ phiếu (PCG, DPM, PET) giảm giá, còn lại 6 cổ phiếu đứng giá và 21 cổ phiếu tăng giá. Các cổ phiếu tăng nhiều nhất là PGS tăng 6,93%, PGD tăng 4,94% và PXI tăng 4,23%. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 1,41 % và tổng khối lượng giao dịch đạt gần 7,7 triệu đơn vị. Trong phiên, có gần 1,7 triệu cổ phiếu PVX được chuyển nhượng. Thanh khoản của PXL cũng khá cao với 540 ngàn đơn vị được giao dịch.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 17/01:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	19,000	286,700	↑ 1.06	1.43	8.17	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	10,900	2,300	↓ -6.84	0.99	34.76	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,500	39,600	↑ 2.15	1.22	99.37	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	12,600	248,700	↑ 0.80	0.56	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	24,700	258,500	↑ 6.93	1.63	1.97	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	14,400	208,900	↑ 2.86	1.24	5.96	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13,200	294,800	→ 0.00	1.14	10.27	HNX
8	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	10,200	35,200	→ 0.00	0.64	N/A	HNX
9	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	41,300	107,600	↑ 0.98	2.21	6.01	HNX
10	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	25,300	392,600	↑ 0.80	1.95	6.45	HNX
11	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	14,700	78,400	→ 0.00	1.30	6.20	HNX
12	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,100	91,100	↑ 0.77	0.59	9.84	HNX
13	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,500	185,700	↑ 2.94	1.62	7.74	HNX
14	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	14,000	501,700	↑ 2.94	1.24	N/A	HNX
15	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	10,800	41,600	→ 0.00	0.61	20.31	HNX
16	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,300	257,100	→ 0.00	1.67	5.32	HNX
17	PVW	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	17,200	251,800	↑ 1.78	1.41	6.68	HNX
18	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	21,100	1,685,200	↑ 0.96	1.40	6.80	HNX
19	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	37,600	239,630	↓ -0.27	2.54	8.69	HSX
20	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	16,700	256,150	↓ -1.18	1.00	6.81	HSX
21	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	40,400	469,390	↑ 4.94	3.61	5.97	HSX
22	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	11,800	118,790	↑ 0.85	0.50	13.05	HSX
23	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52,500	184,890	→ 0.00	3.97	15.03	HSX
24	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	25,400	207,150	↑ 1.60	2.37	51.77	HSX
25	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,400	206,400	↑ 0.97	0.88	40.86	HSX
26	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	14,800	307,360	↑ 4.23	1.42	6.69	HSX
27	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	9,700	539,800	↑ 3.19	0.88	N/A	HSX
28	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,600	53,510	↑ 4.13	1.07	9.75	HSX
29	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	15,500	78,710	↑ 4.73	1.46	6.66	HSX
30	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10,100	56,760	↑ 1.00	0.86	12.73	HSX
31	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11,300	15,000	↓ -0.88	1.01	25.32	UPCOM
32	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	5,200	400	↑ 4.00	0.53	N/A	UPCOM
33	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
34	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,200	14,835	→ 0.00	0.74	N/A	UPCOM
35	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	6,800	12,400	→ 0.00	0.68	N/A	UPCOM
36	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	6,900	100	↓ -9.21	0.69	N/A	UPCOM
37	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,500	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

\* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

## TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,  
Google Finance;  
CNNMoney, CNBC



**Thị trường Mỹ:** tuy kinh tế Mỹ đã có những dấu hiệu hồi phục tích cực, nhưng Cục dự trữ liên bang Mỹ cho rằng còn quá sớm để rút lại chương trình mở rộng định lượng lần 2. Các chuyên gia kinh tế của FED cho rằng triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ cải thiện sau mùa bán khá quan là nhờ các ngày lễ, cần phải có thêm nhiều chứng cứ trong thời gian tới để xem xét có nên giảm quy mô hoặc làm chậm tiến trình thực hiện gói kích thích hay không. Với các chính sách đang được áp dụng, FED dự kiến phải mất vài năm nữa, thị trường việc làm mới có thể phục hồi hoàn toàn và lạm phát đạt mức 2%.

Theo báo cáo của FED, sản lượng công nghiệp trong tháng 12 tăng 0.8%, mức tăng mạnh nhất trong 5 tháng. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 đã có cải thiện với mức tăng 0.5%, mức tăng mạnh nhất trong 18 tháng, CPI cơ bản nhích 0.1%, tương tự như mức tăng trong tháng 11.

**Khu vực Eurozone:** Lạm phát tháng 12 của khu vực Eurozone tiếp tục tăng 0.6% so với tháng 11 và 2.2% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt mức trần 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB). Đây là lần đầu tiên lạm phát của khối này vượt qua chỉ tiêu giữ lạm phát dưới 2% của ngân hàng đề ra trong hơn hai năm qua. Nhằm ngăn chặn khả năng lạm phát trong khu vực đồng euro (Eurozone), ECB khẳng định không từ bỏ việc tăng lãi suất cho vay chính thức và những biện pháp được ngân hàng thực hiện để ngăn chặn lạm phát. Tuy nhiên, nếu tăng lãi suất của ECB vốn đang được duy trì ở mức 1%, áp lực sẽ nặng nề thêm với các nước đang nhận các gói cứu trợ như Hi Lạp và Ireland

**Châu Á:** Từ ngày 20/1, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) sẽ nâng tỷ lệ dự trữ nhân dân tệ bắt buộc thêm 0.5% đối với các ngân hàng, nhằm giảm lượng tiền lưu hành, kiểm soát lạm phát. Theo đánh giá của các chuyên gia, việc nâng dự trữ bắt buộc của PBOC sẽ không ảnh hưởng đến triển vọng vốn được đánh giá khá tích cực hiện nay. Tốc độ tăng trưởng ngày càng mạnh của nền kinh tế Trung Quốc và lợi nhuận doanh nghiệp cải thiện sẽ đem lại động lực cho thị trường.

## THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google  
Finance; CNNMoney,  
CNBC



Giá vàng không còn giữ được đà tăng từ cuối tuần trước, mất mốc 1380 USD/ounce. Giá dầu không nhiều biến động.

**Giá vàng sụt giảm:** động thái nâng đỡ trữ bắt buộc của Trung Quốc cuối tuần quá khiến vàng sụt giá hơn 1% xuống mức thấp nhất một tuần 1354.99 USD/ounce ngày thứ 6, nhưng đã phục hồi nhẹ hôm nay do nhà đầu tư đỡ giá. Tuy nhiên theo đánh giá của các nhà phân tích, thông tin từ Trung Quốc sẽ chỉ ảnh hưởng đến thị trường vàng trong 1-2 phiên, yếu tố quyết định quan trọng hơn là tin kinh tế từ Mỹ và Châu Âu. Giá vàng giao ngay trên sàn COMEX vào 16:00 GMT+7 ở mức 1361.89.21\$/ounce, tăng 0.3%. Giá vàng kỳ hạn giao tháng 2 đóng cửa ở mức 1362.0 USD/ounce, giảm 1.3% so với cuối tuần trước.

**Giá dầu giữ trên 90\$/thùng:** giá dầu hôm nay không nhiều biến động, giá dầu thô nhẹ giao tháng 2 trên sàn New York giảm nhẹ, giao dịch ở mức 90.08USD/thùng (0.75%). Giá dầu Brent tiếp tục tăng, vào lúc 14h00 GMT+7, giá dầu giao dịch ở mức 98.55\$/thùng, tăng 0.17%. Việc các nhà đầu tư vắng mặt do nghỉ ngày lễ hôm nay cũng là một nguyên nhân khiến giá dầu giảm nhẹ

**Giá vàng trong nước:** hôm nay giảm so với cuối tuần trước, giao dịch trung bình quanh mức 35,55/35,58 (mua vào bán ra), giảm hơn 200,000 đồng. Cụ thể, giá vàng SJC giao dịch ở mức 35,51 – 35,88 triệu đồng/lượng, giá vàng SBJ tại Sacombank ở mức 35,50 – 35,56 triệu đồng/lượng. Tỷ giá đôla trên thị trường tự do không thay đổi, ổn định quanh mức 21,010/21,030 (mua vào/bán ra).

**Giá cà phê tăng mạnh:** Giá cà phê trên thị trường thế giới tăng mạnh bởi nguồn cung so sánh trong khi nhu cầu ngày càng tăng lên. Giá cà phê arabica đã trở lại mức cao 13 năm do nguồn cung khan hiếm từ các nước sản xuất quan trọng như Braxin và Indonesia. Giá cà phê robusta cũng tăng do hoạt động bán ra rất chậm Việt Nam - nhà sản xuất và xuất khẩu lớn nhất thế giới. Ở thị trường trong nước, giá cà phê nhân hôm nay 13/1 đã lên tới trên 39.000 đồng/kg, tăng 1.400 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái

## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật	HSX	242	14/01/2011
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomín	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

### Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	35	14/01/2011
Công ty Cổ phần Vinacafê Biên Hòa	HSX	265.79	13/01/2011
CTCP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	UPCOM	15	12/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HSX	38	07/01/2011
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010
CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010

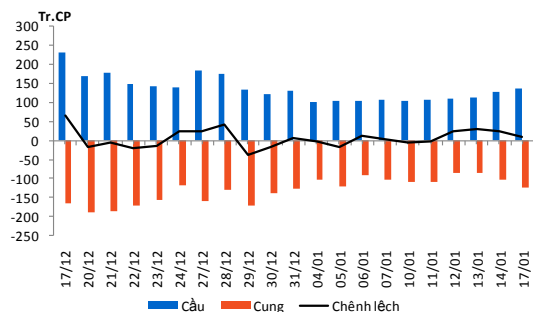
Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Nhựa Sam Phú	NSP	UPCOM	50.00		19/01/2011
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	PTD	UPCOM			14/01/2011
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	HSX			14/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDk	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV		HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	25.65		11/01/2011
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	HSX			11/01/2011
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long		HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam		HNX	150.00		07/01/2011
CTCP vận tải biển Hải Âu	SSG	HNX	50.00		05/01/2011

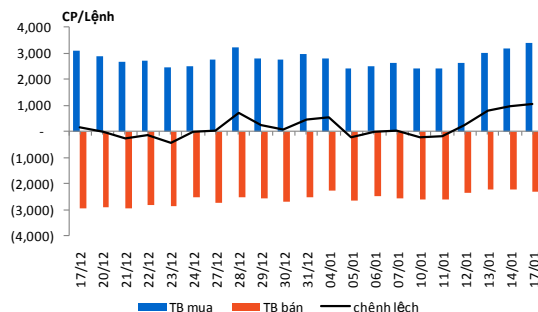
Nguồn: HSX, HNX

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

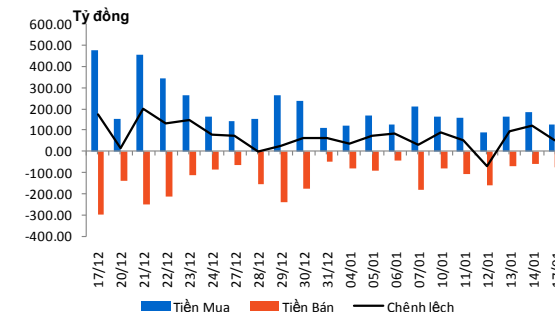
### Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



### Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



### Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



### HSX

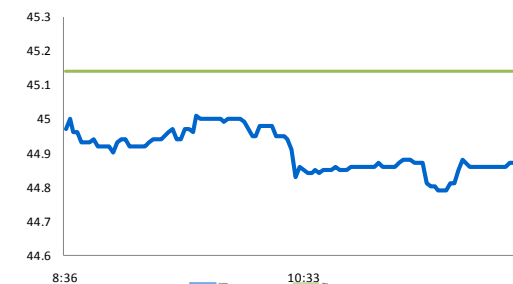
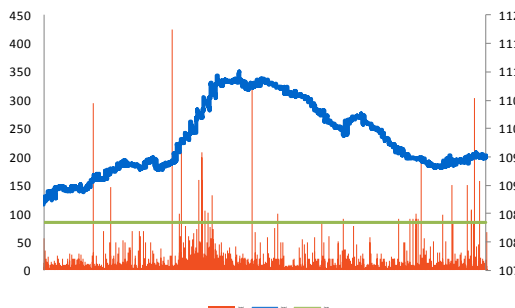
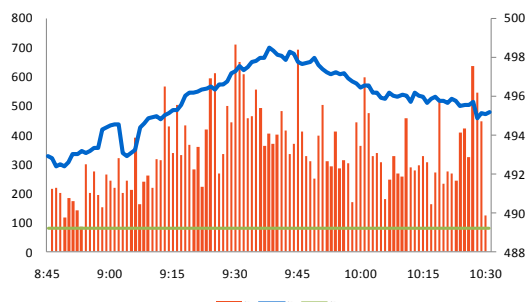
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	495.16 ↑	5.94	1.21%
KLGD (triệu ck)	43.78 ↑	2.28	5.50%
GTGD (tỷ đồng)	1,096.92 ↑	33.10	3.11%
Tổng cung (triệu ck)	76.19 ↑	11.38	17.56%
Tổng cầu (triệu ck)	78.79 ↓	-3.64	-4.41%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	3.93 ↓	-1.50	-27.59%
KL bán (triệu ck)	2.65 ↑	0.69	35.57%
Giá trị mua (tỷ đồng)	121.47 ↓	-46.88	-27.85%
Giá trị bán (tỷ đồng)	70.77 ↑	13.33	23.21%

### HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	109.02 ↑	0.97	0.90%
KLGD (triệu ck)	34.43 ↑	8.53	32.96%
GTGD (tỷ đồng)	618.08 ↑	153.34	33.00%
Tổng cung (triệu ck)	48.56 ↑	9.38	23.93%
Tổng cầu (triệu ck)	56.69 ↑	10.83	23.61%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	0.33 ↓	-0.32	-49.64%
KL bán (triệu ck)	0.31 ↑	0.24	325.95%
Giá trị mua (tỷ đồng)	6.61 ↓	-6.84	-50.86%
Giá trị bán (tỷ đồng)	6.00 ↑	4.77	389.01%

### UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.87 ↓	-0.27	-0.60%
KLGD (triệu ck)	0.33 ↑	0.18	117.39%
GTGD (tỷ đồng)	2.60 ↑	0.69	36.34%
Tổng cung (triệu ck)	0.57 ↓	-0.08	-12.29%
Tổng cầu (triệu ck)	0.43 ↓	-0.37	-46.05%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↓	-0.02	-100.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↓	-0.31	-100.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



[www.psi.vn](http://www.psi.vn) | [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Báo cáo của PSI có thể tìm thấy trên website của chúng tôi



### HSX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SSI	30,300	30,400	0.33	81,975
KSS	27,800	28,500	2.52	61,473
ASM	66,000	68,500	3.79	42,614
KBC	34,900	36,500	4.58	40,528
FPT	63,500	65,000	2.36	39,157

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CDC	24,000	25,200	1,200	5.00
TIX	42,000	44,100	2,100	5.00
HQC	40,100	42,100	2,000	4.99
VES	14,100	14,800	700	4.96
PGD	38,500	40,400	1,900	4.94

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SRC	34,700	33,000	-1,700	-4.90
LM8	14,400	13,700	-700	-4.86
VPL	53,500	51,000	-2,500	-4.67
SC5	36,900	35,600	-1,300	-3.52
VNH	8,800	8,500	-300	-3.41

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
EIB	19,829	EIB	19,830
KBC	15,424	FPT	13,898
FPT	10,544	HVG	6,829
HAG	9,105	HPG	5,785
PVD	8,521	KBC	3,660

### HNX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
KLS	14,800	15,400	4.05	67,969
HBB	11,100	11,800	6.31	57,428
VND	21,000	22,000	4.76	49,787
PVX	20,900	21,100	0.96	35,840
SHN	22,000	22,000	0.00	32,991

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
LBE	10,000	10,700	700	7.00
SGC	20,100	21,500	1,400	6.97
ALV	15,800	16,900	1,100	6.96
PTM	11,500	12,300	800	6.96
PGS	23,100	24,700	1,600	6.93

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DLR	34,300	31,900	-2,400	-7.00
NHA	27,500	25,600	-1,900	-6.91
QCC	7,300	6,800	-500	-6.85
PCG	11,700	10,900	-800	-6.84
SDS	25,100	23,400	-1,700	-6.77

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VND	2,979	PVS	2,283
PVS	1,033	BVS	762
DXP	403	SHN	656
S96	210	DCS	488
PSI	173	TDN	425

### UPCOM

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
TGP	6,000	5,900	-1.67	1,266
PPP	11,100	10,200	-8.11	191
NT2	11,400	11,300	-0.88	170
MAX	28,000	26,800	-4.29	150
PSB	8,200	8,200	0.00	121

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
BMJ	15,000	16,500	1,500	10.00
HDM	9,000	9,900	900	10.00
IMT	9,200	10,100	900	9.78
ND2	5,300	5,800	500	9.43

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PTD	17,600	11,100	-6,500	-36.93
NOS	15,700	10,000	-5,700	-36.31
SCO	12,000	10,800	-1,200	-10.00
HU1	18,300	16,500	-1,800	-9.84
TNB	13,500	12,200	-1,300	-9.63

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888



**PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh Hà Nội*

**Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999**

*Chi nhánh Nam Định*

**Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979**

*Chi nhánh Thanh Hoá*

**Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá**

*Chi nhánh Nghệ An*

**Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An**

*Chi nhánh Hải Phòng*

**Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**